TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2023/QĐST-DS	*Việt Trì, ngày 16 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 19/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2023,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Thanh V , sinh năm 1976;

Địa chỉ: Khu 4, Xóm Mới, xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc Tân, sinh năm: 1956;

Địa chỉ: SN 1061, đường Hùng Vương, phường Thọ Sơn, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Ông Vũ Công T, sinh năm: 1955;

Địa chỉ: Khu 4, Xóm Mới, xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vũ Công Đ, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn Thanh Thượng, xã Ayun Hạ, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

- Bà Vũ Thanh Nhàn, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Khu 4, Xóm Mới, xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Bà Vũ Thị Thanh Tâm, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ 2, khu 1, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tâm: Ông Nguyễn Quốc Tân, sinh năm: 1956;

Địa chỉ: SN 1061, đường Hùng Vương, phường Thọ Sơn, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về các thửa đất ruộng thuộc sở hữu chung của cụ Vũ Nghinh, cụ Nguyễn Thị Nhân, chị Vũ Thị Thanh V và chị Vũ Thị Thanh T gồm có: Thửa

đất số 340, tờ bản đồ 16; thửa đất số 191, tờ bản đồ 2; thửa đất số 263-1, tờ bản đồ số 6; thửa đất số 262, tờ bản đồ 15 và thửa 2-25, tờ bản đồ số 5 đều có địa chỉ thuộc xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ,

2.2. Về tổng diện tích thực tế và giá của các thửa đất ruộng: Tổng diện tích đất thực tế các thửa đất số 340, tờ bản đồ 16; thửa đất số 191, tờ bản đồ 2; thửa đất số 263-1, tờ bản đồ số 6; thửa đất số 262, tờ bản đồ 15 và thửa 2-25, tờ bản đồ số 5 là 1930,6m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: O550204 cấp ngày 08/4/2099 đứng tên hộ ông Vũ Nghinh (tức Vũ Văn Nghinh) ở xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (theo các Bản trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo); có giá: 1930,6m^2 x 90.000 đồng (Chín mươi nghìn đồng)/m^2 = 173.754.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm năm tư nghìn đồng). Cụ thể:

- Thửa đất số 340, tờ bản đồ 16, có diện tích đất thực tế là 465,6m^2 theo chỉ giới 2,3,4,4',5,6,2 trị giá: 41.904.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu chín trăm linh tư nghìn đồng).

- Thửa đất số 191, tờ bản đồ 2, có diện tích đất thực tế là 1071,2m^2 theo chỉ giới 1,2,3,6,7,8,5,4,1 trị giá: 96.408.000 đồng (Chín mươi sáu triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng).

- Thửa đất số 263-1, tờ bản đồ số 6, có diện tích đất thực tế là 51,8m^2 theo chỉ giới 1,2,3,4,1 trị giá: 4.662.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

- Thửa đất số 262, tờ bản đồ 15, có diện tích đất thực tế là 54,0m^2 theo chỉ giới 1,2,3,4,1 trị giá: 4.860.000 đồng (Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Thửa đất số 2-25, tờ bản đồ số 5, có diện tích đất là 288m^2, trị giá: 25.920.000 đồng (Hai mươi lăm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng), hiện Nhà nước đã thu hồi năm 2015 và bồi thường giá trị đất cho cụ Nguyễn Thị Nhân trực tiếp nhận.

2.3. Về diện tích đất ruộng thuộc quyền sở hữu của các thành viên trong hộ:

Cụ Vũ Nghinh (tức Vũ Văn Nghinh), cụ Nguyễn Thị Nhân, chị Vũ Thị Thanh V và chị Vũ Thị Thanh T được quyền sở hữu và sử dụng chung đối với diện tích 1930,6m^2 đất ruộng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: O550204 cấp ngày 08/4/2099 đứng tên hộ ông Vũ Nghinh (tức Vũ Văn Nghinh) ở xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (có các số thửa như mục 2).

Cụ Vũ Nghinh (tức Vũ Văn Nghinh), cụ Nguyễn Thị Nhân, chị Vũ Thị Thanh V và chị Vũ Thị Thanh T mỗi người được quyền sử dụng 482,65 m^2 đất ruộng /người trong tổng diện tích 1930,6m^2 đất ruộng.

2.4. Về diện tích đất ruộng được chia thừa kế:

Tổng diện tích phần đất ruộng cụ Vũ Nghinh (tức Vũ Văn Nghinh) và cụ Nguyễn Thị Nhân có quyền sử dụng là: 965,3m^2 (482,65m^2 x 2 phần). Do cụ Nhân

đã nhận đền bù thửa đất 2-25, tờ bản đồ số 5 với diện tích 288m^2 nên tổng diện tích đất còn lại được chia thừa kế là: 965,3m^2 - 288m^2 = 677,3m^2 .

2.5. Về hàng thừa kế theo pháp luật: Xác nhận cụ Vũ Nghinh (tức Vũ Văn Nghinh) và cụ Nguyễn Thị Nhân có 05 người con chung là: Vũ Công T, sinh năm: 1955, Vũ Công Đ, sinh năm 1957, Vũ Thanh Nhàn, sinh năm 1965, Vũ Thị Thanh Tâm, sinh năm 1971 và bà Vũ Thị Thanh V , sinh năm 1976. Ngoài những người con này các cụ không có người con chung, con riêng, con nuôi nào khác.

2.6. Về kỷ phần thừa kế: Tổng diện tích đất ruộng được chia thừa kế là: 677,3m^2 :06 (sáu) phần = 112,8m^2/01 phần thừa kế. Bà Vân được hưởng 02 phần thừa kế do đã có công nuôi dưỡng chăm sóc, mẹ lúc tuổi già nên tổng thừa kế bà Vân được hưởng là: 225,6m^2 .

2.7. Về quyền sử dụng đất ruộng:

+ Đối với thửa đất số 191, tờ bản đồ số 22, có diện tích thực tế là: 1071,2m^2 theo chỉ giới 1,2,3,6,7,8,5,4,1 (có bản trích đo hiện trạng kèm theo), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: O550204 cấp ngày 08/4/2099 đứng tên hộ ông Vũ Nghinh (tức Vũ Văn Nghinh) ở xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ:

- Giao cho bà Vũ Thị Thanh T được sử dụng 363,42m^2 đất theo các chỉ giới 4,3,6,5,4 trị giá: 32.707.800 đồng (Ba mươi hai triệu bảy trăm linh bảy nghìn tám trăm đồng), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: O550204 cấp ngày 08/4/2099 đứng tên hộ ông Vũ Nghinh (tức Vũ Văn Nghinh) ở xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (có bản trích đo hiện trạng kèm theo).

- Giao cho bà Vũ Thị Thanh V được sử dụng 449,5m^2 đất theo các chỉ giới 1,2,3,4,1 trị giá: 40.455.000 đồng (Bốn mươi triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: O550204 cấp ngày 08/4/2099 đứng tên hộ ông Vũ Nghinh (tức Vũ Văn Nghinh) ở xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (có bản trích đo hiện trạng kèm theo).

- Giao cho ông Vũ Công T, ông Vũ Công Đ và bà Vũ Thanh Nh được sử dụng chung 258,3m^2 (trong đó mỗi người được sử dụng 86,1m^2) theo các chỉ giới 5,6,7,8,5 trị giá: 23.247.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: O550204 cấp ngày 08/4/2099 đứng tên hộ ông Vũ Nghinh (tức Vũ Văn Nghinh) ở xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (có bản trích đo hiện trạng kèm theo).

+ Đối với các thửa đất số 263-1, tờ bản đồ số 6, diện tích 51,8m^2 và thửa số 262, tờ bản đồ số 15, diện tích 54m^2 và thửa đất số 340, tờ bản đồ số 16, diện tích 465,6m^2 (có bản trích đo hiện trạng kèm theo), Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số: O550204 cấp ngày 08/4/2099 đứng tên hộ ông Vũ Nghinh (tức Vũ Văn Nghinh) ở xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ:

- Giao cho ông Vũ Công T, ông Vũ Công Đ và bà Vũ Thanh Nh được sử dụng chung thửa đất số 263-1, tờ bản đồ số 6, diện tích 51,8m^2 theo các chỉ giới 1,2,3,4,1 trị giá: 4.662.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn

đồng), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: O550204 cấp ngày 08/4/2099 đứng tên hộ ông Vũ Nghinh (tức Vũ Văn Nghinh) ở xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (có bản trích đo hiện trạng kèm theo).

- Giao cho ông Vũ Công T, ông Vũ Công Đ và bà Vũ Thanh Nh được sử dụng chung thửa số 262, tờ bản đồ số 15, diện tích 54,0m^2 theo các chỉ giới 1,2,3,4,1 trị giá: 4.860.000 đồng (Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: O550204 cấp ngày 08/4/2099 đứng tên hộ ông Vũ Nghinh (tức Vũ Văn Nghinh) ở xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (có bản trích đo hiện trạng kèm theo).

- Giao cho bà Vũ Thị Thanh T và bà Vũ Thị Thanh V được sử dụng chung thửa đất số 340, tờ bản đồ số 16, diện tích 465,6m^2 theo các chỉ giới 3,4,4',5,6,2,3 trị giá: 41.904.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu chín trăm linh tư nghìn đồng), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: O550204 cấp ngày 08/4/2099 đứng tên hộ ông Vũ Nghinh (tức Vũ Văn Nghinh) ở xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (có bản trích đo hiện trạng kèm theo).

Trường hợp Nhà nước hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện thu hồi đồng thời xác định giá trị để thực hiện đền bù các thửa đất ruộng được chia thừa kế cao hơn giá các đương sự đã thỏa thuận, thì phần diện tích đất được hưởng của mỗi thừa kế vẫn không thay đổi nhưng giá trị tài sản được tính theo giá Nhà nước hoặc cơ quan có thẩm quyền đã xác định để đền bù tại thời điểm Nhà nước hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện đền bù.

Các đương sự không ai phải có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho ai.

2.8. Về chi phí thẩm định, đo đạc:

Bà Vũ Thị Thanh V phải chịu 4.166.666 đồng (Bốn triệu một trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu sáu đồng) tiền chi phí thẩm định, đo đạc. Xác nhận bà Vũ Thị Thanh V đã nộp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo Biên lai tạm thu ngày 17/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì. Bà Vân được nhận lại 5.833.334 đồng (Năm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tư đồng) do bà Vũ Thị Thanh T, ông Vũ Công T, ông Vũ Công Đ và bà Vũ Thanh Nh hoàn trả.

Bà Vũ Thị Thanh T phải chịu 3.333.333 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba ba đồng) tiền chi phí thẩm định, đo đạc. Bà Vũ Thị Thanh T có nghĩa vụ phải hoàn trả cho bà Vũ Thị Thanh V 3.333.333 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba

trăm ba ba đồng) do bà Vũ Thị Thanh V đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định, đo đạc theo Biên lai tạm thu ngày 17/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì.

Ông Vũ Công T, ông Vũ Công Đ và bà Vũ Thanh Nh mỗi người phải chịu 833.333 đồng (Tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba ba đồng), tổng cộng là 2.499.999 đồng (Hai triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín chín đồng) tiền chi phí thẩm định, đo đạc. Ông Vũ Công T, ông Vũ Công Đ và bà Vũ Thanh Nh mỗi người có nghĩa vụ phải hoàn trả cho bà Vũ

Thị Thanh Vân 833.333 đồng (Tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba ba đồng) do bà Vũ Thị Thanh V đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định, đo đạc theo Biên lai tạm thu ngày 17/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, bà Vũ Thị Thanh Tâm, ông Vũ Công T, ông Vũ Công Đ và bà Vũ Thanh Nh không thực hiện việc thanh toán cho bà Vũ Thị Thanh V ; bà Vũ Thị Thanh V có đơn yêu cầu thi hành án thì bà Vũ Thị Thanh T, ông Vũ Công Th, ông Vũ Công Đ và bà Vũ Thanh Nh còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2.9. Về án phí:

Các ông Vũ Công T và Vũ Công Đ không phải chịu án phí do đều là người cao tuổi.

Bà Vũ Thị Thanh V phải chịu 1.535.175 đồng (Một triệu năm trăm ba lăm nghìn một trăm bẩy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận bà Vân đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0010121 ngày 13/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Bà Vũ Thị Thanh V còn phải chịu 1.235.175 đồng (Một triệu hai trăm ba lăm nghìn một trăm bẩy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Vũ Thị Thanh T phải chịu 1.341.495 đồng (Một triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Vũ Thanh Nh phải chịu 273.075 đồng (Hai trăm bẩy mươi ba nghìn không trăm bẩy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- CC thi hành án dân sự TPVT;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoa